

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DSST

Ngày: 29-12-2022

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 16/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé D - sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị O - sinh năm 1970 (có mặt) và ông Trần Văn H - sinh năm 1969 (vắng mặt nhưng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị O theo văn bản ngày 28/11/2022).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bé D trình bày: Nguyên vào năm 2017 bà O có làm chủ hụi nên tôi có tham gia hụi. Sau khi áp hụi và xổ hụi thì tôi có hốt hụi, tôi hốt nhiều lần mới được số tiền 70.000.000 đồng, còn ngày tháng áp hụi và hốt hụi thì tôi không nhớ vì quá lâu. Sau khi tôi hốt hụi thì bà O có giao tiền cho tôi còn ngày tháng giao tiền thì tôi không nhớ nhưng tôi đưa tiền cho bà O nhiều lần mới được số tiền 70.000.000 đồng. Đồng thời, từng lần giao tiền cho bà O không có làm giấy tờ, còn lãi suất số tiền 10.000.000 đồng là đóng 300.000 đồng/tháng. Khi tôi giao cho bà O lần cuối được

hai ngày thì bà O bỏ địa phương đi thì bà O còn thiếu tôi là 48.000.000 đồng vì trước khi đi thì bà O đã trả cho tôi được 22.000.000 đồng. Sau đó, bà O về địa phương nên tôi và bà O có gặp nhau để tính số tiền bà O còn thiếu tôi thì bà O thừa nhận còn thiếu tôi là 48.000.000 đồng. Khi chốt nợ với nhau thì bà O không trả nợ cho tôi nên tôi có yêu cầu Công an huyện Gò Quao giải quyết thì bà O trả cho tôi được 30.000.000 đồng còn thiếu lại tôi số tiền là 18.000.000 đồng và ngưng không trả nữa. Tôi lại tiếp tục yêu cầu Công an huyện Gò Quao giải quyết thì bà O thừa nhận còn thiếu tôi là 18.000.000 đồng và bà O xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ thì tôi không đồng ý nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án tôi có làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc vợ chồng bà O và ông H phải trả cho tôi số tiền hụi còn thiếu là 18.000.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng, từ tháng 01/2020 đến nay là 32 tháng là 5.760.000 đồng.

Nay tôi xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc vợ chồng bà O và ông H phải trả cho tôi số tiền vay còn thiếu là 18.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2020 đến nay. Ngoài ra tôi không yêu cầu thêm gì.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/12/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Tôi xác định theo lời trình bày của bà D là tôi có làm chủ hụi và bà D có chơi là đúng sự thật. Nhưng thực tế thì bà D chơi hụi nhỏ nên tôi có giao tiền hụi cho bà D nhiều lần mới được 70.000.000 đồng và bà D cũng cho tôi vay lại nhiều lần mới được 70.000.000 đồng. Sau đó, tôi bẻ hụi và có bỏ địa phương đi làm ăn để kiếm tiền về trả nợ nhưng trước khi đi tôi có trả cho bà D được 22.000.000 đồng, còn thiếu bà D số tiền là 48.000.000 đồng. Sau đó, tôi có trả cho bà D được 30.000.000 đồng còn thiếu lại bà D là 18.000.000 đồng.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả cho bà tổng số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) thì tôi thừa nhận còn thiếu bà D số tiền 18.000.000 đồng và xin dần trả cho bà D mỗi tháng là 300.0000 đồng cho đến hết nợ. Về yêu cầu tính lãi suất của bà D thì tôi không đồng ý vì trước đây tôi đã đóng lãi cho bà D nhiều rồi. Việc tôi đóng lãi cho bà D trước đây thì tôi không yêu cầu tính lại lãi suất mà tôi đã đóng cho bà D.

Tại bản tự khai ngày 05/12/2022 đồng bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Tôi xác định việc vợ tôi là Nguyễn Thị O có làm chủ hụi và có vay tiền của bà D như thế nào thì tôi không biết và cũng không biết vợ tôi thiếu bà D bao nhiêu tiền nhưng khi bà D yêu cầu Công an huyện Gò Quao giải quyết và khởi kiện tại Tòa án thì Công an và Tòa án có thông báo cho tôi biết là vợ tôi có thiếu tiền của bà D là 18.000.000 đồng nên tôi mới biết là vợ tôi còn thiếu tiền bà D là 18.000.000 đồng.

Do đó, tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi còn thiếu bà D tổng số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) thì tôi đồng ý cùng vợ tôi trả nợ cho bà D số tiền này và xin dần trả cho bà D mỗi tháng là 300.0000 đồng cho đến hết nợ. Về yêu cầu tính lãi suất của bà D thì tôi không đồng ý như vợ tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Bé D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn H là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị O theo văn bản đề ngày 28/11/2022 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O có vay tiền của bà Trần Thị Bé D là đúng sự thật.

Hợp đồng vay tiền giữa bà Trần Thị Bé D với bà Nguyễn Thị O là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H và bà O thừa nhận còn thiếu bà D số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) từ ngày 01/01/2020 đến nay mà không trả được nợ cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất:

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà D thì bà yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật từ ngày 01/01/2020 đến khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, khi thỏa thuận vay tiền đều có lãi trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận không có lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà O xin bà D không tính lãi suất nữa nhưng không được bà D chấp nhận. Từ đó, cho thấy bà O cũng xác định được thỏa thuận vay tiền giữa bà và bà D là có lãi. Do đó, bà D yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 18.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử là ngày 29/12/2022 là 35 tháng 28 ngày: (18.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 35 tháng 28 ngày = 5.368.440 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: 18.000.000đ + 5.368.440đ = 23.368.440 đồng làm tròn 23.368.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Về việc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O xin trả dần số tiền trên mỗi tháng là 300.000 đồng cho bà Trần Thị Bé D cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của bà O và ông H không được bà D chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O.

Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bé D đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O. Do đó, buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O phải trả cho bà Trần Thị Bé D số tiền là 23.368.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST có giá ngạch là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $23.368.000đ \times 5\% = 1.168.400$ đồng làm tròn là 1.168.000đ (một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Bà Trần Thị Bé D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 594.000đ (năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001825 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bé D đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O.

Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O phải trả cho bà Trần Thị Bé D số tiền là 23.368.000 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch: Là 1.168.000đ (một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O phải nộp.

Bà Trần Thị Bé D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 594.000đ (năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001825 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 29/12/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh